

BÀI 31 :

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

I. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI:

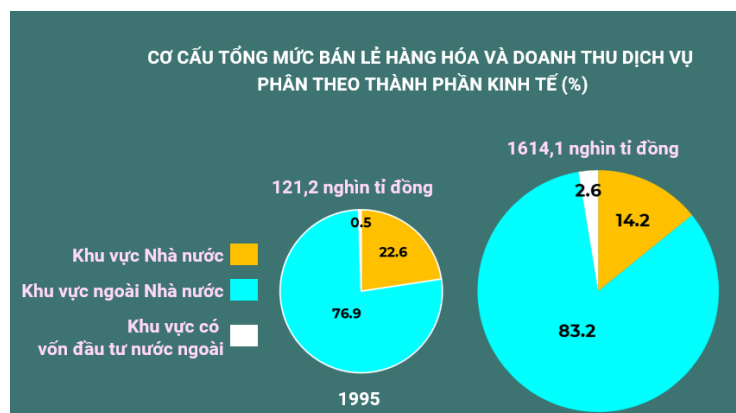
1. Nội thương:

Sau Đổi mới, cả nước đã hình thành thị trường thống nhất, hàng hóa phong phú, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Nội thương đã thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.



- Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ phân theo thành phần kinh tế của nước ta có sự chuyển dịch:

- + Giảm tỉ trọng Khu vực nhà nước .
- + Tăng tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài.



2. Ngoại thương:

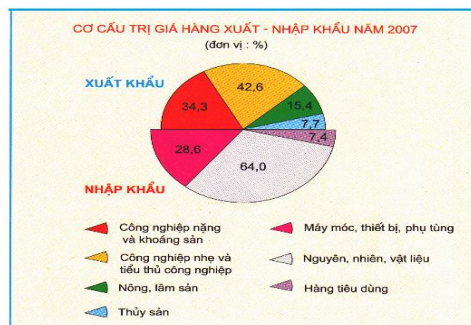
a. Xuất khẩu:

- Sau Đổi mới, thị trường buôn bán ngày càng mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

- Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và hiện có quan hệ buôn bán với phần lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.
- Kim ngạch XK: tăng liên tục tăng.
- Mặt hàng XK: hàng CN nặng & khoáng sản, CN nhẹ và tiểu thủ CN, hàng nông, lâm, thủy sản...
- Thị trường XK: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc.
- Hạn chế: Vẫn còn nhập siêu; thị trường luôn biến động, khả năng cạnh tranh trên thị trường còn hạn chế.

b. Nhập khẩu:

- Kim ngạch nhập khẩu tăng liên tục mạnh, phản ánh sự khôi phục và phát triển của sản xuất, tiêu dùng...
- Các mặt hàng nhập khẩu: nguyên liệu, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.
- Các thị trường nhập khẩu: chủ yếu là châu Á-Thái Bình Dương và châu Âu.



II. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH:

1. Tài nguyên du lịch: là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, các giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch.

2. Cơ cấu: gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

a. Tài nguyên du lịch tự nhiên:

- *Địa hình:* đa dạng gồm đồi núi, đồng bằng, bờ biển và hải đảo... (như Vịnh Hạ Long, động Phong Nha, bãi biển đẹp: Cửa Lò, Lăng Cô, Nha Trang...).
- *Khí hậu:* phân hóa đa dạng, nhất là theo độ cao, tạo thuận lợi phát triển du lịch (Sapa, Đà Lạt...).
- *Tài nguyên nước:* nhiều sông, suối, hồ,... (sông Cửu Long, hồ Ba Bể...); nước khoáng (Vĩnh Hảo); nước nóng (Bình Châu).
- *Tài nguyên sinh vật:* Vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển: hơn 30 vườn quốc gia (Cúc Phương, Bạch Mã, Cát Tiên...), 8 khu DTSQ (Cần Giờ, Cù Lao Chàm,...); ngoài ra còn có nhiều động vật hoang dã và thủy hải sản quý hiếm.



b. Tài nguyên du lịch nhân văn:

- Các di tích văn hóa-lịch sử: Cố đô Huế, phố cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn (Di sản văn hóa Thế giới).
- Lễ hội: tập trung vào mùa Xuân, nhất là sau Tết Nguyên Đán (Đền Hùng, Chùa Hương...).
- Ngoài ra còn có làng nghề truyền thống, văn nghệ dân gian và ẩm thực có thể khai thác phục vụ du lịch.



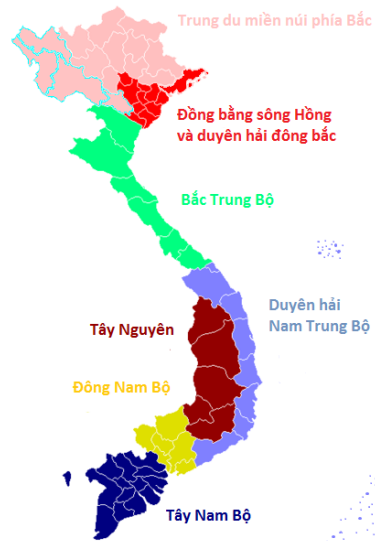
3. Tình hình khai thác du lịch và sự phân hóa theo lãnh thổ

a. Tình hình phát triển:

- Du lịch nước ta phát triển mạnh từ thập kỉ 90 thế kỉ XX đến nay,
- Doanh thu từ ngành du lịch tăng liên tục và nhanh.
- Khách nội địa tăng liên tục, năm 2005 so với 1991 tăng hơn 10 lần.
- Khách quốc tế cũng tăng nhanh nhưng chưa ổn định.

b. Sự phân hóa theo lãnh thổ:

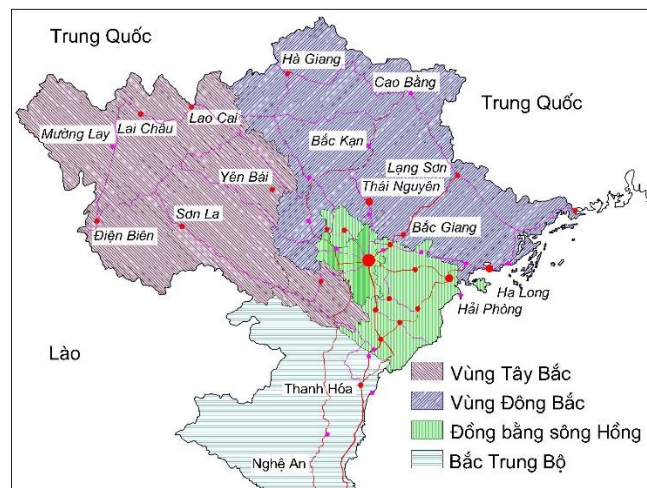
- Ba vùng du lịch: Vùng Bắc Bộ, vùng BTB, vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- Các trung tâm du lịch lớn: Hà Nội (Bắc), TP.HCM (Nam), Đà Nẵng- Huế (Trung).
- Các trung tâm khác: Hạ Long, Hải Phòng, Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu, Cần Thơ,...



BÀI 32 : VẤN ĐỀ KHAI THÁC THỂ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

I. KHÁI QUÁT CHUNG :

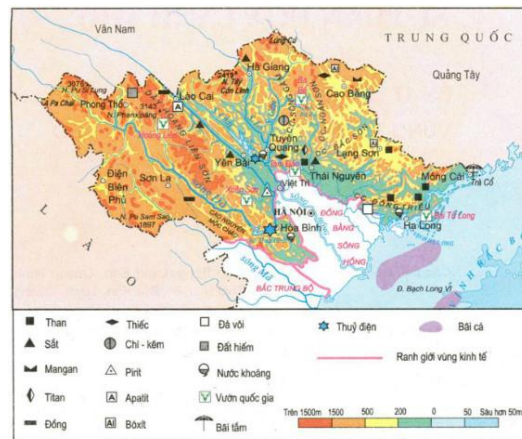
- + Diện tích : 101 nghìn km²; Dân số: > 12 triệu người (2006)
- + Có 15 tỉnh (Atlas)
- + Vị trí đặc biệt: giáp Lào, Trung Quốc và Biển Đông. Mạng lưới giao thông đang được đầu tư, nâng cấp nên ngày càng thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế.



II. KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN VÀ THỦY ĐIỆN:

1. Khoáng sản:

- + Giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta, quan trọng là than, sắt, thiếc, đồng, chì – kẽm, apatit, pyrit, bôxít, vật liệu xây dựng. Phân bố sâu trong núi.
- + **Đông Bắc**: có vùng than Quảng Ninh: vùng than lớn nhất, chất lượng tốt nhất Đông Nam Á. Khai thác 30 triệu tấn/ năm. Làm nhiên liệu cho nhiệt điện và xuất khẩu.
- + Kim loại: có sắt (Yên Bái), thiếc và bôxít (Cao Bằng), chì – kẽm ở chợ Điện (Bắc Kạn), đồng – vàng (Lào Cai); thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng), mỗi năm sản xuất 1.000 tấn thiếc.
- + **Tây Bắc**: có đồng – niken (Sơn La), đất hiếm (Lai Châu), apatit (Lào Cai) 600.000 tấn/năm dùng làm phân lân.



Hình 17.1. Phân bố tài nguyên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

2. Thủy điện:

- + Tiềm năng thủy điện lớn nhất nước, trữ năng hệ thống sông Hồng là 11.000 MW = 1/3 cả nước. Riêng sông Đà 6.000 MW.
- + Đã đang khai thác: nhà máy thủy điện Thác Bà (sông Chảy) 110 MW, Hòa Bình (sông Đà) 1.920 MW, nhà máy thủy điện Sơn La (sông Đà) 2.400 MW, Tuyên Quang (sông Gâm) 300MW. Nhiều nhà máy nhỏ đang xây trên các phụ lưu các sông.
- + Việc phát triển thủy điện sẽ tạo ra động lực mới cho vùng, nhất là việc khai thác chế biến khoáng sản với nguồn điện rẻ và dồi dào, tuy nhiên cần lưu ý về sự thay đổi môi trường.



III. CÂY CÔNG NGHIỆP, CÂY DƯỢC LIỆU, RAU QUẢ CẠN NHIỆT VÀ ÔN ĐỚI:

1. Thuận lợi:

a. Đất:

- Feralit trên đá vôi, đá phiến và trên đá khác → trồng cây công nghiệp, ăn quả
- Đất phù sa cổ ở trung du → trồng cây ăn quả, một số cây CN
- Đất phù sa dọc thung lũng sông, và ở các cánh đồng giữa núi như Than Uyên, Nghĩa Lộ, Điện Biên, Trùng Khánh... → trồng cây lương thực thực phẩm

b. Khí hậu:

Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao nên phát triển cây cận nhiệt và ôn đới.

c. Tình hình sản xuất:

- + Chè: Là vùng lớn nhất nước (Phú Thọ, Thái Nguyên, Hà Giang, Yên Bái...)
- + Cây dược liệu: sa nhân, tam thất, thảo quả...(Cao Bằng, Lạng Sơn và Hoàng Liên Sơn)
- + Cây ăn quả: mận, đào, lê...
- + Ở Sapa trồng rau quả, hạt giống ôn đới
- * Khả năng mở rộng diện tích và nâng cao năng suất các cây trồng còn nhiều.

2. Khó khăn:

- Khí hậu (rét đậm, rét hại, sương muối...) và thiếu nước về mùa đông ở Tây Bắc.
- Cơ sở chế biến: còn thiếu.



* Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản cho phép phát triển nền nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả cao, và hạn chế nạn du canh du cư.

IV. CHĂN NUÔI GIA SÚC:

1. Thuận lợi:

- + Ở 600 – 700 m có **nhiều đồng cỏ** thuận lợi chăn nuôi trâu bò, ngựa dê.
- + Đàn bò có 900.000 con = 16% cả nước (2005). Bò sữa ở Mộc Châu (Sơn La),
- + Trâu: chịu rét giỏi 1,7 triệu con = 1/2 trâu cả nước.
- + Lợn: 5,8 triệu con. Do hoa màu dành nhiều cho chăn nuôi.

2. Khó khăn: về vận chuyển và đồng cỏ còn kém chất lượng cần cải tạo lại.

V. KINH TẾ BIỂN: Vùng biển Quảng Ninh giàu tiềm năng.

- + Phát triển đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thủy sản.
- + Du lịch biển đảo (Hạ Long di sản thiên nhiên thế giới).
- + GTVT biển với cảng Cái Lân sẽ giúp hình thành khu công nghiệp Cái Lân.

